

Đơn vị: Trường THPT Tạ Quang Bửu

Biểu số 3 (ban hành kèm theo TT số 90/2018/
TT - BTC ngày 28/09/2018)

Chương: 422

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH QUÝ IV NĂM 2023

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ sau:

Đơn vị tính: ngàn đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý IV	Ước thực hiện/dự toán năm (%)	Ước thực hiện quý nay so với cùng kỳ năm trước (%)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách, phí, lệ phí				
I	Thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
2	Phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp				
a.	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b.	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a.	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b.	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp NSNN				
1	Lệ phí				
2	Phí				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	25.253.647	5.105.402	33,97%	-169,91%
I	Nguồn ngân sách trong nước	25.253.647	5.105.402	33,97%	-169,91%
I	Chi quản lý hành chính	0			

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý IV	Ước thực hiện/dự toán năm (%)	Ước thực hiện quý nay so với cùng kỳ năm trước (%)
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	0			
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	0			
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	25.253.647	5.105.402	33,97%	-169,91%
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	312.319	42.701	13,67%	0,38%
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	24.941.328	5.062.701	20,30%	-170,29%
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	0			
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội	0			
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế	0			
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	0			
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	0			
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý IV	Ước thực hiện/dự toán năm (%)	Ước thực hiện quý nay so với cùng kỳ năm trước (%)
8.2	<i>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</i>				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	0			
9.1	<i>Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên</i>				
9.2	<i>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</i>				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	0			
10.1	<i>Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên</i>				
10.2	<i>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</i>				
II	Nguồn vốn viện trợ	0			
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp và công nghệ				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chi đảm bảo xã hội				
5.1	Dự án A				
5.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý IV	Ước thực hiện/dự toán năm (%)	Ước thực hiện quý nay so với cùng kỳ năm trước (%)
7.2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp và công nghệ				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chi đảm bảo xã hội				
5.1	Dự án A				
5.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý IV	Ước thực hiện/dự toán năm (%)	Ước thực hiện quý nay so với cùng kỳ năm trước (%)
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				

Ngày 03 tháng 01 năm 2024

Người lập bảng



Nguyễn Thị Thắm

Hiệu Trưởng



Trần Thị Bích